

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 73/2022/HS-ST
Ngày 28/9/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L- Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Bình và ông Lê Thúc Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2022/TLST- HS ngày 14 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đối với các bị cáo:

1. Họ và tên Đỗ Đình T, sinh năm 1995 tại Vĩnh Phúc; hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân Hòa 1, xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Đình Đ và bà Nguyễn Thị T1; vợ, con: Không; Tiền án có 03 tiền án:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt Đỗ Đình T 12 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ra trại ngày 05/4/2018; chấp hành xong án phí 200.000 đồng vào tháng 9/2017.

Tại Bản án số 55/2018/HSST ngày 21/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g, h (phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm) khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt Đỗ Đình T 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/11/2019, án phí HSST: 200.000 đ + án phí

DS/HS 325.000 đồng chấp hành xong tháng 02/2019.

Tại Bản án số 53/2020/HSST ngày 08/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (trộm cắp tài sản trị giá 321.000 đồng), xử phạt Đỗ Đình T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/11/2021, án phí HSST 200.000 đồng chấp hành xong tháng 12/2020.

- Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 25/2012/HSST ngày 19/7/2012 của TAND thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Đỗ Đình T 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 07/HSST ngày 24/01/2014 của TAND thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Đỗ Đình T 02 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ngày 06/02/2017, T bị Công an phường Đ, thị xã Phúc Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bản án hình sự sơ thẩm số 43/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xử phạt Đỗ Đình T 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ra trại ngày 05/4/2018.

Bản án số 55/2018/HS-ST ngày 21/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên áp dụng: Xử phạt Đỗ Đình T 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ra trại ngày 29/11/2019.

Ngày 10/3/2020, Đỗ Đình T bị Chủ tịch UBND xã C, thành phố Phúc Yên ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường do đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 10/6/2020, T chấp hành xong.

Tại Bản án số 53/2020/HSST ngày 08/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Xử phạt Đỗ Đình T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/11/2021.

Bị cáo Đỗ Đình T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. (có mặt)

2. Họ và tên Lê Ngọc A, sinh năm 1983 tại Vĩnh Phúc; hộ khẩu thường trú: Tổ 3, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đình C (đã chết) và bà Mai Thị T2; vợ Lý Thị S (đã ly hôn), con: Có 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 10/5/2021 Ngọc A bị chủ tịch UBND phường T ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời hạn 03 tháng. Ngày 10/8/2021 Ngọc A chấp hành xong – chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 94/HSST ngày 11/11/2003 của TAND huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 29/4/2004 Ngọc A bị công an thị xã Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 100.000 đồng.

Ngày 03/8/2005 Ngọc A bị công an thị xã Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 100.000 đồng.

Ngày 25/10/2005 Ngọc A bị công an huyện Mê Linh xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 100.000 đồng

Ngày 05/02/2007 Ngọc A bị công an thị xã Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 200.000 đồng.

Ngày 20/10/2007 Ngọc A bị công an thị xã Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 200.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/HSST ngày 30/9/2008 của TAND thị xã Phúc Yên (nay là thành phố Phúc Yên) xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù 29/4/2009; án phí 50.000 đồng chấp hành xong tháng 9/2009.

Ngày 02/3/2010 Ngọc A bị công an thị xã Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi đốt pháo hoa. Mức phạt 350.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/HSST ngày 20/7/2011 của TAND huyện Mê Linh – Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 08/4/2013, án phí 200.000 đồng chấp hành xong tháng 9/2011.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 72 ngày 12/6/2014 của TAND thành phố Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng về tội trộm cắp tài sản. Ra trại ngày 01/6/2015, án phí 200.000 đồng chấp hành xong ngày 14/9/2014.

Ngày 28/7/2016 Ngọc A bị công an thị xã Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 750.000 đồng.

Ngày 10/10/2016 Ngọc A bị công an phường T - Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hình phạt: Cảnh cáo.

Ngày 27/12/2016 Ngọc A bị công an phường T - Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt: 750.000 đồng.

Ngày 19/01/2017 Ngọc A bị công an thị xã Phúc Yên xử phạt hành chính

về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 750.000 đồng.

Ngày 13/6/2017 Ngọc A bị công an thị xã Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 500.000 đồng.

Ngày 26/12/2017 Ngọc A bị công an phường T- Phúc Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt 750.000 đồng.

Ngày 10/5/2021 Ngọc A bị chủ tịch UBND T ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời hạn 03 tháng.

Bị cáo Lê Ngọc A bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phúc Yên. (có mặt)

3. Họ và tên Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1985 tại Vĩnh Phúc; hộ khẩu thường trú: Tổ 2, phường Trung Nhị, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc V (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; vợ Phạm Thị D, con: Có 02 con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh tháng 7/2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55 ngày 10/5/2011 của TAND thị xã Phúc Yên. Xử phạt P 02 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 05/02/2013; án phí 200.000 đồng + phạt 5.000.000 đồng chấp hành xong tháng 08/2016.

Bị cáo Nguyễn Ngọc P bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phúc Yên. (Có mặt)

4. Họ và tên Lê Văn L, sinh năm 1992 tại Vĩnh Phúc; hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã P, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H và bà Nguyễn Thị B; vợ Đào Thị Thùy L1, con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình hoạt động của bản thân: Không

Bị cáo Lê Văn L bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương. (Có mặt)

*Người bị hại: Anh Bùi Hải Đ, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã N, Tp. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 Pt ngày 19/6/2022, Nguyễn Ngọc P cùng Đỗ Đình T và Lê Ngọc A đang ngồi uống nước tại quán nước của Lê Ngọc A tại phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc thì Ngọc A bảo T, P đi trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu sài cá nhân thì T và P đồng ý. Sau đó Ngọc A đưa cho T và P xe mô tô nhãn hiệu Detech, BKS: 88H1- 6836 để làm phương tiện cho T và P đi trộm cắp tài sản. P lấy xe mô tô BKS: 88H1- 6836 điều khiển chở T ngồi phía sau đi đến khu vực thôn S, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc thì phát hiện nhà anh Bùi Hải Đ – SN 1982 trú tại thôn S, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc không có ai ở nhà. Lúc này P dừng xe ở ngoài cảnh giới còn T đột nhập vào nhà anh Đ để trộm cắp tài sản. T đi từ cửa phụ đột nhập vào bên trong nhà anh Đ thì phát hiện có 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu Dell core i5 để ở trên bàn học trong phòng ngủ thì T trộm cắp chiếc máy tính và chiếc dây sạc pin. Sau đó T đi ra ngoài rồi lên xe mô tô P đã chờ sẵn cùng nhau tẩu thoát.

Khi đi được một đoạn, T nói với P là bên trong nhà có 01 chiếc Tivi thì P bảo T vào lấy nốt thì T đồng ý. P điều khiển xe mô tô quay lại nhà anh Đ. Sau đó đứng ở ngoài cảnh giới để T một mình đột nhập vào bên trong nhà qua cửa phụ trộm cắp 01 chiếc Tivi + điều khiển để trên kệ Ti Vi. T tiếp tục kiểm tra các ngăn kệ để tivi thì trộm cắp được 01 chiếc đồng hồ nhãn hiệu Seiko 5 bị đứt quai và 02 nhẫn màu vàng; 01 nhẫn màu bạc; 01 lắc tay màu bạc. T đút hết số đồ vật trên vào túi quần, sau đó bê Tivi đi ra ngoài ngồi lên xe mô tô P chờ sẵn. Sau đó P điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau đi về quán nước của Ngọc A ở khu đô thị Đ, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Khi về đến nơi thì Ngọc A đang đợi sẵn, P và T bê chiếc tivi và chiếc máy tính laptop vào bên trong quán nước. Lúc này, Ngọc A gọi điện thoại cho Lê Văn L, sinh năm: 1992, trú tại thôn C, xã P, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nói có chiếc tivi và laptop vừa trộm cắp được bán giá rẻ, có mua đến Ngọc A bán cho thì L đồng ý mua và hẹn cuối buổi chiều sẽ đến lấy. Sau đó, T đưa cho Ngọc A thêm một số tài sản trộm cắp được tại nhà anh Bùi Hải Đ gồm có: 01 đồng hồ đeo tay bị đứt dây, 02 nhẫn màu vàng mỹ ký, 01 nhẫn màu bạc có gắn nhựa công nghiệp màu đỏ và 01 lắc bạc. Ngọc A xem thấy 02 chiếc nhẫn màu vàng là đồ mỹ ký nên đưa lại cho T 01 chiếc nhẫn màu vàng và 01 chiếc lắc bạc, còn Ngọc A giữ lại chiếc đồng hồ, 01 nhẫn màu vàng, 01 nhẫn màu bạc.

Đến khoảng 16 giờ 00 Pt cùng ngày thì L lái 01 chiếc xe ô tô tải, BKS: 88C - 108.60 đến quán nước của Ngọc A. Tại đây, Ngọc A và L thống nhất mua bán chiếc Tivi kèm điều khiển, chiếc máy tính laptop kèm dây sạc với giá 5.500.000đồng, do L không đem đủ tiền nên đã đưa trước cho Ngọc A số tiền 4.000.000đồng, nợ lại 1.500.000đồng sẽ trả sau thì Ngọc A đồng ý. Ngọc A, T

và P bê chiếc tivi và chiếc máy tính laptop lên cabin xe cho L rồi L đi về. Số tiền 4.000.000đồng, Ngọc A, T và P chia nhau, trong đó Ngọc A hưởng 800.000đồng, T hưởng 2.200.000đồng và P hưởng 1.000.000đồng.

Đến khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, T và P đi đến cửa hàng vàng bạc T ở phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (do bà Nguyễn Thị Q – SN 1980 trú tại phường T – Phúc Yên – Vĩnh Phúc làm chủ) bán chiếc lắc bạc được 150.000đồng, P và T chia nhau, trong đó T hưởng 100.000đồng, P hưởng 50.000đồng, còn 01 chiếc nhẫn màu vàng do không bán được vì là đồ mỹ ký nên trên đường về đi qua cầu Khả D thuộc phường N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, T đã vút xuống chân cầu Khả D rồi cả hai đi về nhà ngủ. Đến ngày 20/6/2022, L chuyển khoản nốt cho Ngọc A số tiền 1.500.000đồng còn lại, số tiền này Ngọc A hưởng. Như vậy, Ngọc A hưởng 2.300.000đồng; T hưởng 2.300.000đồng và P hưởng 1.050.000đồng. Toàn bộ số tiền trên, Ngọc A, T và P đều tiêu sài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ gồm: Ngọc A tự nguyện giao nộp: 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Seiko 5; 01 nhẫn màu vàng có in hình 2 trái tim; 01 nhẫn màu bạc có gắn nhựa công nghiệp màu đỏ; 01 xe mô tô BKS 88H1- 6836; 01 chiếc điện thoại Sam sung Galaxy A02s.

+ P tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2;

+ T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel.

+ Ngày 23/6/2022 L tự nguyện giao nộp: 01 chiếc Tivi LG – 55 ích màu đen + 01 điều khiển tivi nhãn hiệu Sony; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell – Core i5 + 01 dây sạc pin; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4; 01 xe ô tô BKS 88C – 108.60.

+ Riêng chiếc nhẫn màu vàng mỹ ký T vút xuống cầu Khả D. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

+ Đối với chiếc lắc bạc P + T khai nhận đã bán cho cửa hàng vàng bạc T. Cơ quan CSĐT công an thành phố Phúc Yên đã làm việc với chủ cửa hàng Thế Quế nhưng không làm rõ được có việc mua bán hay không nên không thu hồi được chiếc lắc bạc nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐ DGTS ngày 27/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phúc Yên kết luận: 01 chiếc Tivi nhãn hiệu LG – 55 ích màu đen, đã qua sử dụng, giá trị là 7.000.000 đồng; 01 chiếc điều khiển nhãn hiệu Sony màu đen, đã qua sử dụng, giá trị là

50.000 đồng; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell –core 5 cùng một bộ sạc màu đen, đã qua sử dụng, giá trị là: 5.000.000 đồng; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Seiko 5, màu trắng, đã qua sử dụng, giá trị là 1.250.000 đồng. Giá trị các đồ vật, tài sản trên tại thời điểm ngày 19/6/2022 có giá trị là 13.300.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐ ĐGTS ngày 12/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phúc Yên kết luận: 01 chiếc lắc bằng bạc, trọng lượng 02 chỉ, giá trị của tài sản trên tại thời điểm ngày 19/6/2022 là 80.000 đồng; 02 chiếc nhẫn màu vàng; 01 nhẫn màu bạc có gắn nhựa công nghiệp màu đỏ là đồ mỹ kỹ không có giá trị.

Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 chiếc Tivi LG – 55 inch màu đen + 01 điều khiển Sony; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell – Core i5 + 01 sạc pin 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Seiko 5; 01 nhẫn màu vàng có in hình 02 trái tim; 01 nhẫn màu bạc có gắn nhựa công nghiệp màu đỏ. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Bùi Hải Đ. Cơ quan điều tra đã trả lại anh Đ. Anh Đ đã nhận lại tài sản và không có bất kì yêu cầu đề nghị gì.

Đối với xe ô tô tải, BKS: 88C-108.60. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn H, sinh năm: 1966, trú tại thôn C, xã P, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (bố đẻ của L). Ngày 19/6/2022, L có mượn chiếc xe trên của ông H sử dụng làm phương tiện đi mua sắt vụn để kinh doanh, ông H không biết L sử dụng chiếc xe trên để vi phạm pháp luật. Do đó, ngày 25/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại tài sản trên cho ông H là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Bùi Hải Đ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Đối với chị Nguyễn Thị Q – SN 1980 là chủ cửa hàng vàng bạc T ở phường T – Phúc Yên – Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra xác định chị Q không nhớ được có mua lắc bạc của T + P hay không vì hàng ngày cửa hàng rất nhiều người qua lại mua bán, khi mua bán không có giấy tờ gì. Do vậy tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 72/CT - VKSPY ngày 13 tháng 9 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố Đỗ Đình T về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Lê Ngọc A, Nguyễn Ngọc P về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS và

Truy tố Lê Văn L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố các bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản ” và “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Đỗ Đình T, Lê Ngọc A, Nguyễn Ngọc P và Lê Văn L. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Đình T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/6/2022. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc A từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/6/2022; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/6/2022. Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng đề nghị tịch sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô BKS: 88H1 – 6836, 01 chiếc điện thoại Sang sung Galaxy A02s của bị cáo Ngọc A; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4 của Lê Văn L; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2; và Nguyễn Đình T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel 01 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Ngọc A số tiền 2.300.000đồng; T số tiền 2.300.000đồng và P số tiền 1.050.000đồng sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 19/6/2022 tại quán nước của Lê Ngọc A. Lê Ngọc A có hành vi rủ Đỗ Đình T và Nguyễn Ngọc P đi trộm cắp tài sản để để bán lấy tiền chia nhau tiêu sài cá nhân. Sau đó Ngọc A cho T và P mượn xe mô tô BKS: 88H1 – 6836 của mình làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Khoảng 11 giờ 30 Pt cùng ngày, P chở T đến địa phận xã N, thành phố Phúc Yên. Sau đó P đứng ở ngoài cánh giới để T đột nhập vào nhà anh Bùi Hải Đ trú tại thôn S, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc trộm cắp được: 01 chiếc tivi nhãn hiệu LG – 55 ích màu đen; 01 chiếc điều khiển nhãn hiệu Sony màu đen; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell –core i5 cùng một bộ sạc màu đen; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Seiko 5; 01 chiếc lắc bằng bạc, tổng trị giá tài sản là: 13.380.000 đồng. Sau khi trộm cắp được những tài sản nêu trên T và P mang về quán nước của Ngọc A ở khu đô thị Đ, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để Ngọc A liên hệ bán cho Lê Văn L 01 chiếc Tivi nhãn hiệu LG – 55 ích màu đen; 01 chiếc điều khiển nhãn hiệu Sony màu đen; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell –core 5 cùng một bộ dây sạc màu đen với giá 5.500.000 đồng. Mặc dù biết số tài sản trên là do Ngọc A cùng đồng bọn trộm cắp mà có nhưng do háms lợi nên L vẫn mua.

Vì vậy, hành vi nêu trên của Đỗ Đình T, Lê Ngọc A và Nguyễn Ngọc P đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Do trước đó Đỗ Đình T có 03 tiền án chưa được xóa án tích và bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo là cố ý nên bị áp dụng tình tiết

định khung là “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 cụ thể: Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

Còn hành vi của Lê Ngọc A và Nguyễn Ngọc P đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của Lê Văn L phạm đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự cụ thể:

Điều 323. Tội ... tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

1. Người nào... tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 72/CT - VKSPY ngày 13 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật Hình sự, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Đỗ Đình T: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Có 03 tiền án đều về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, trong đó có một bản án bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”. Nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo bị tính là tái phạm nguy hiểm. Ngoài ra, bị cáo còn 01 lần bị kết án về tội “Cướp giật tài sản”, 01 lần bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xóa án tích và 01 lần bị áp dụng biện pháp hành chính giáo dục tại xã phường, đã được xóa tiền sự. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình, tự giáo dục cải tạo bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp

luật không chịu tu dưỡng của bị cáo, trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm là người thực hành trực tiếp vào trộm cắp tài sản nhà anh Đ. Nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo phạt bị cáo mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo:

Đối với bị cáo Lê Ngọc A: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Đã 01 lần bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản”, và 01 lần về tội “Tàng trữ trái pháp chất ma túy” đã được xóa án tích. Ngoài ra, bị cáo còn 12 lần xử phạt hành chính đã được xóa tiền sự; 01 lần bị áp dụng biện pháp hành chính giáo dục tại xã phường, chưa được xóa tiền sự. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình, tự giáo dục cải tạo bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật không chịu tu dưỡng của bị cáo. Trong vụ án này bị cáo giữ vai trò chủ mưu. Nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo phạt bị cáo mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc P: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Năm 2011 bị kết án về về tội “Tàng trữ trái pháp chất ma túy” tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình, tự giáo dục cải tạo bản thân mà tiếp tục sử dụng ma túy dẫn tới phạm tội trộm cắp tài sản. Nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo phạt bị cáo mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, có bố đẻ là thương binh. Nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này bị cáo giữ vai trò đồng phạm, là người cảnh giới và đưa T trực tiếp đi trộm cắp tài sản. Nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo:

Đối với bị cáo Lê Văn L: Trước khi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Đó là những tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có. Hội đồng xét xử thấy khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền

sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục chung, cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Hải Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô BKS: 88H1 – 6836 là tài sản của bị cáo Lê Ngọc A đưa cho P và T làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Nên cần tịch thu bán phát mại sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại Sang sung Galaxy A02s + 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4. Quá trình điều tra xác định Lê Ngọc A và Lê Văn L sử dụng 02 chiếc điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần nghị tịch thu bán phát mại sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Nguyễn Ngọc P và Đỗ Đình T không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho P và T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Lê Ngọc A số tiền 2.300.000đồng; Đỗ Đình T số tiền 2.300.000đồng và Nguyễn Ngọc P số tiền 1.050.000đồng.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Đình T, Lê Ngọc A, Nguyễn Ngọc P và Lê Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Đình T, Lê Ngọc A, Nguyễn Ngọc P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Lê Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đình T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/6/2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc A 01 (một) năm (06) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/6/2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc P 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/6/2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã P Xuân, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô BKS: 88H1 – 6836 và 01 chiếc điện thoại Sang sung Galaxy A02s của bị cáo Lê Ngọc A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4 của Lê Văn L. Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2 của Nguyễn Ngọc P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel của Đỗ Đình T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng L ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

Truy thu của Lê Ngọc A số tiền 2.300.000đồng; Đỗ Đình T số tiền 2.300.000đồng và Nguyễn Ngọc P số tiền 1.050.000đồng sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Đỗ Đình T, Lê Ngọc A, Nguyễn Ngọc P và Lê Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; người bị hại
- UBND xã P Xuân
- UBND xã Cao Minh
- UBND phường T
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Bích